

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014**

Văn phòng Hà Nội

Tầng 9, Tòa nhà AC, Ngõ 78, Phố Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 795 8705 Fax: (84-4) 3 795 8677

Văn phòng Hải Phòng

Tầng 7, Tòa nhà Hải Quân
Số 5, Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Tel: (84-31) 3 842 430 Fax: (84-31) 3 842 433

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2014)

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng ban
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Mai Thị Hoàng Sa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 10/05/2014)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Minh Châu

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Số: 29-2/2015/BCTC-VA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/03/2015, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại thuyết minh số 11 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã đăng ký ngừng hoạt động từ ngày 15/02/2006 và khoản đầu tư của Công ty vào Công ty này với số tiền 255.000.000 VND được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty theo giá gốc. Với các tài liệu được cung cấp, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và mức trích lập dự phòng tổn thất của khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Giao dịch bán hàng hóa cho Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam – Công ty con chiếm tỷ lệ 49,12% tổng doanh thu bán hàng hóa năm 2014 của Công ty, được xác định là giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết theo yêu cầu của Thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 22/04/2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết. Nếu điều chỉnh giá bán hàng hóa cho Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam theo giá thị trường thì doanh thu năm 2014 của Công ty sẽ tăng thêm tối thiểu là 28.223.962.390 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Ngọc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0487-2013-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Đông Văn Thát
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1458-2013-055-1

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		41.703.094.000	22.847.918.099
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.348.024.877	4.422.613.085
1. Tiền	111	5	2.348.024.877	4.422.613.085
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.165.720.095	13.583.908.082
1. Phải thu khách hàng	131		17.892.075.917	11.762.538.655
2. Trả trước cho người bán	132		271.994.200	1.819.719.000
5. Các khoản phải thu khác	135		1.649.978	1.650.427
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	6	20.744.358.840	3.937.482.473
1. Hàng tồn kho	141		20.744.358.840	3.937.482.473
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		444.990.188	903.914.459
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.639.530	166.142.119
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		158.611.918	349.004.929
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	157.822.106	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	66.916.634	388.767.411
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		34.936.409.548	35.096.021.649
II. Tài sản cố định	220		2.475.126.961	3.015.912.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.256.266.961	2.797.052.672
- Nguyên giá	222		5.965.323.515	5.947.928.515
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.709.056.554)	(3.150.875.843)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		218.860.000	218.860.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	31.255.000.000	31.255.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	31.000.000.000	31.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	255.000.000	255.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.206.282.587	825.108.977
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.206.282.587	815.108.977
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	10.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		76.639.503.548	57.943.939.748

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01 – DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		48.236.787.837	28.508.308.499
I. Nợ ngắn hạn	310		48.236.787.837	28.508.308.499
2. Phải trả người bán	312		42.457.270.760	22.851.192.977
3. Người mua trả tiền trước	313		-	34.173.725
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.163.905.326	1.285.393.026
5. Phải trả người lao động	315		3.159.049.877	1.951.445.035
6. Chi phí phải trả	316	13	127.494.358	50.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.120.636.130	1.948.419.650
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		208.431.386	387.684.086
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		28.402.715.711	29.435.631.249
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	28.402.715.711	29.435.631.249
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.800.000.000	56.800.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(28.397.284.289)	(27.364.368.751)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		76.639.503.548	57.943.939.748

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mẫu số B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	169.048.975.001	129.625.701.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	22.506.624	29.546.607
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	169.026.468.377	129.596.154.588
4. Giá vốn hàng bán	11	17	133.536.000.984	107.258.765.124
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.490.467.393	22.337.389.464
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	14.478.958.152	15.856.359.746
7. Chi phí tài chính	22		-	7.726.165
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	7.726.165
8. Chi phí bán hàng	24		22.615.682.592	25.043.644.324
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.611.878.520	11.083.213.664
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		13.741.864.433	2.059.165.057
11. Thu nhập khác	31	19	12.456	1.440.582
12. Chi phí khác	32	19	57.165.359	2.015.193.541
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	19	(57.152.903)	(2.013.752.959)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		13.684.711.530	45.412.098
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	258.525.968	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.426.185.562	45.412.098
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.364	8

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2014

Mẫu số B 03 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.684.711.530	45.412.098
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		567.548.761	550.298.196
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.474.836.202)	(15.856.359.746)
- Chi phí lãi vay	06		-	7.726.165
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(222.575.911)	(15.252.923.287)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.217.390.331)	(6.121.195.203)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.806.876.367)	(723.720.963)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.991.325.786	23.020.156.493
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(286.671.021)	(20.852.457)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(9.976.165)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(70.219.716)	(5.324.095.846)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15		-	368.443.654
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.550.253.800)	(4.013.608.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.162.661.360)	(8.077.772.342)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(30.885.000)	(2.018.885.182)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.478.958.152	15.856.359.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.448.073.152	13.837.474.564
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(82.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.360.000.000)	(10.890.192.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.360.000.000)	(10.972.192.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.074.588.208)	(5.212.489.778)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		4.422.613.085	9.635.102.863
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	2.348.024.877	4.422.613.085

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Cảnh

Trần Thị Anh Đức

Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003831 ngày 04/03/2004, chuyển đổi sang số 0103039249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Công ty có 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101452595 ngày 25/12/2013 với vốn điều lệ là: 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng chẵn), chia thành 5.680.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi.

Trụ sở của Công ty tại Lô A7/D21, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Nam Dược (*)	Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

(*) Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 08/05/2011 đã thông qua việc giải thể chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Nam Dược. Đồng thời Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội – phòng đăng ký kinh doanh số 02 đã cấp Giấy xác nhận số 4162/14 ngày 23/01/2014 về việc đã tiếp nhận thông báo tạm ngừng hoạt động của Chi nhánh. Thời gian tạm ngừng lần 02 từ ngày 24/01/2014 đến ngày 24/01/2015.

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng; kinh doanh thực phẩm);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Bán buôn thuốc, kinh doanh dược liệu, mỹ phẩm);
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (chi tiết: Kinh doanh trang thiết bị y tế);
- Đại lý, môi giới, đầu giá (chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người));
- Đối với những ngành nghề có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09 – DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Ngoài ra, quy trình sản xuất, bảo quản, mua và bán các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và dược liệu phải tuân thủ các quy định liên quan của Nhà nước Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn của các tổ chức thế giới đã được Công ty đăng ký.

4.3. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.3 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	2014
	Số năm
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, thuế và phí ngân hàng...

Các khoản thu nhập được chia từ công ty con (cổ tức, lợi nhuận) sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia sau ngày đầu tư từ công ty con được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán, góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác... được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

4.5. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí quảng cáo trong thời gian dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng thời hạn sử dụng từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư (cổ tức) dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được chủ sở hữu Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời thỏa mãn tất cả (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 5% đối với sản phẩm thuốc và 10% đối với thực phẩm chức năng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.15. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.15 Bên liên quan (tiếp theo)

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH Nam Dược, Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam; các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 23.

5. TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.279.811.889	934.682.259
Tiền gửi ngân hàng	68.212.988	3.487.930.826
Cộng	2.348.024.877	4.422.613.085

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	26.534.439	48.607.423
Hàng hóa	20.717.824.401	3.888.875.050
Cộng	20.744.358.840	3.937.482.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	20.744.358.840	3.937.482.473

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	157.822.106	-
Cộng	157.822.106	-

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	56.916.634	377.777.411
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.990.000
Cộng	66.916.634	388.767.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	185.000.000	5.134.820.236	628.108.279	5.947.928.515
Tăng trong năm	-	-	30.885.000	30.885.000
Mua trong năm	-	-	30.885.000	30.885.000
Giảm trong năm	-	-	13.490.000	13.490.000
Giảm khác	-	-	13.490.000	13.490.000
Tại ngày 31/12/2014	185.000.000	5.134.820.236	645.503.279	5.965.323.515
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	87.924.722	2.790.967.748	271.983.373	3.150.875.843
Tăng trong năm	36.999.996	380.417.172	150.131.593	567.548.761
Khấu hao trong năm	36.999.996	380.417.172	150.131.593	567.548.761
Giảm trong năm	-	-	9.368.050	9.368.050
Giảm khác	-	-	9.368.050	9.368.050
Tại ngày 31/12/2014	124.924.718	3.171.384.920	412.746.916	3.709.056.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	97.075.278	2.343.852.488	356.124.906	2.797.052.672
Tại ngày 31/12/2014	60.075.282	1.963.435.316	232.756.363	2.256.266.961

Trong đó: Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31/12/2014 là 2.828.118.358 VND (tại 31/12/2013: 2.353.164.565 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.206.282.587	815.108.977
Cộng	1.206.282.587	815.108.977

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	31.000.000.000	31.000.000.000
Công ty TNHH Nam Dược	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	255.000.000	255.000.000
Cộng	31.255.000.000	31.255.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Trụ sở và nơi hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH Nam Dược	Lô M13 (C4-9), Khu Công nghiệp Hòa Xá, TP. Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
2. Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	C4B, Bờ Long, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược, Công ty này đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/02/2006.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	780.821.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	265.103.639
Thuế thu nhập cá nhân	1.163.905.326	239.467.736
Cộng	1.163.905.326	1.285.393.026

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	50.000.000	50.000.000
Chi phí phụ trách chuyên môn quý 4/2014	16.500.000	-
Chi phí khác	60.994.358	-
Cộng	127.494.358	50.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Kinh phí công đoàn	174.173	117.862.173
Bảo hiểm xã hội	2.002.000	-
Bảo hiểm y tế	346.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	154.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	627.500.000	533.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	490.459.457	1.297.557.477
<i>Tiền cổ tức phải trả cho các cổ đông</i>	<i>439.600.000</i>	<i>769.920.000</i>
<i>Phải trả tiền phạt nộp thuế</i>	<i>-</i>	<i>489.198.477</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>50.859.457</i>	<i>38.439.000</i>
Cộng	<u>1.120.636.130</u>	<u>1.948.419.650</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Đơn vị tính: VND

	<u>Vốn đầu tư</u> <u>của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận</u> <u>sau thuế</u> <u>chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 01/01/2013	56.800.000.000	(11.660.931.849)	45.139.068.151
Lợi nhuận tăng	-	45.412.098	45.412.098
Phân phối lợi nhuận	-	(15.748.827.955)	(15.748.827.955)
Giảm khác	-	(21.045)	(21.045)
Tại ngày 31/12/2013	56.800.000.000	(27.364.368.751)	29.435.631.249
Tại ngày 01/01/2014	56.800.000.000	(27.364.368.751)	29.435.631.249
Lợi nhuận tăng	-	13.426.185.562	13.426.185.562
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(14.457.694.600)	(14.457.694.600)
Giảm khác	-	(1.406.500)	(1.406.500)
Tại ngày 31/12/2014	56.800.000.000	(28.397.284.289)	28.402.715.711

(*) Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQĐHCHĐ ngày 10/05/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	<u>Tỷ lệ</u> <u>%</u>	<u>Giá trị</u> <u>VND</u>
- Chi trả cổ tức năm 2013 trên vốn điều lệ	20	11.360.000.000
- Chi thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2013	5	1.548.847.300
- Trích quỹ khen thưởng năm 2013	5	1.548.847.300
Cộng		<u>14.457.694.600</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỐ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

<u>VỐN</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Tại ngày đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Tăng trong năm	-	-
Phát hành thêm cổ phiếu	-	-
Tăng từ thặng dư vốn	-	-
Chuyển từ trái phiếu thành cổ phiếu	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000

<u>CỔ PHIẾU</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.680.000	5.680.000
Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
Cổ phiếu phổ thông	5.680.000	5.680.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

16. DOANH THU

	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.048.975.001	129.625.701.195
Doanh thu bán hàng hóa	169.048.975.001	129.625.701.195
Các khoản giảm trừ doanh thu	22.506.624	29.546.607
Hàng bán bị trả lại	22.506.624	29.546.607
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.026.468.377	129.596.154.588

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	133.536.000.984	107.258.765.124
Cộng	133.536.000.984	107.258.765.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.263.552	346.114.279
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.457.694.600	15.510.245.467
Cộng	14.478.958.152	15.856.359.746

19. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác	12.456	1.440.582
Thu nhập khác	12.456	1.440.582
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	53.000.000	-
Chi phí phạt thuế và bảo hiểm	43.305	1.971.654.711
Giá trị còn lại của tài sản	4.121.950	-
Các khoản khác	104	43.538.830
Chi phí khác	57.165.359	2.015.193.541
Lợi nhuận khác	(57.152.903)	(2.013.752.959)

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	13.684.711.530	45.412.098
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>1.948.101.105</i>	<i>10.997.968.827</i>
Chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN	1.948.101.105	10.997.968.827
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>14.457.694.600</i>	<i>15.510.245.467</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.457.694.600	15.510.245.467
Lỗ năm trước chuyển sang (4)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	1.175.118.035	(4.466.864.542)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	258.525.968	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (8)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (9)=(7)+(8)	258.525.968	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	974.561.979	996.656.356
Chi phí nhân công	20.169.436.960	16.340.841.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	567.548.761	550.298.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.846.394.205	17.444.740.158
Chi phí khác bằng tiền	6.669.619.207	464.553.132
Cộng	36.227.561.112	35.797.089.262

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	13.426.185.562	45.412.098
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	13.426.185.562	45.412.098
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	5.680.000	5.680.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	2.364	8

23. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam - Công ty con	83.040.457.394	55.837.599.988
Mua hàng		
Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con	154.331.756.520	114.970.829.540
<i>Số dư với các bên liên quan</i>		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam - Công ty con	15.215.304.630	11.725.849.717
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con	42.136.701.375	22.074.582.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

23. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương, thưởng và các khoản khác	3.517.643.900	3.658.972.879

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.14.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	2.348.024.877	4.422.613.085
Phải thu khách hàng	17.892.075.917	11.762.538.655
Các khoản phải thu khác	1.649.978	1.650.427
Cộng	20.241.750.772	16.186.802.167
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	42.457.270.760	22.851.192.977
Các khoản phải trả khác	1.120.636.130	1.948.419.650
Cộng	43.577.906.890	24.799.612.627

Công ty chưa đánh giá đầy đủ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09 – DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Tại 31/12/2014		
Phải trả người bán	42.457.270.760	-
Các khoản phải trả khác	1.120.636.130	-
Cộng	43.577.906.890	-
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Tại 01/01/2014		
Phải trả người bán	22.851.192.977	-
Các khoản phải trả khác	1.948.419.650	-
Cộng	24.799.612.627	-

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Thị Cảnh

Trần Thị Anh Đức

Hoàng Minh Châu